

NHỮNG CHIỀU SÂU TRIẾT LÝ TRONG KỊCH CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI

TS. Nguyễn Thùy Trang

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Nguyễn Đình Thi (1924-2003) là một hiện tượng đặc biệt của văn học Việt Nam thế kỉ XX. Bởi vì khác với nhiều tác giả, Nguyễn Đình Thi không chỉ chuyên tâm trong lĩnh vực thơ ca, mà ông còn viết truyện ngắn, tiểu thuyết, soạn kịch, tiểu luận phê bình và sáng tác nhạc, thậm chí còn nghiên cứu triết học. Có thể nói, bốn phương diện thơ ca - văn xuôi - kịch - tiểu luận phê bình được xem là tứ trụ trong sự nghiệp văn học nghệ thuật của Nguyễn Đình Thi. Ở lãnh địa nào, ông cũng đều gặt hái được nhiều thành công, để lại những dấu ấn tài hoa, sáng tạo. Với những tài năng đó, Nguyễn Đình Thi đã kết hợp các thể loại một cách uyển chuyển, làm nên phong cách riêng độc đáo. Thơ và văn xuôi của ông giàu nhạc tính, các tác phẩm lý luận phê bình phảng phất chất thơ, đặc biệt, kịch của Nguyễn Đình Thi chứa đựng chất triết lý, suy tưởng sâu sắc.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đến nay, Nguyễn Đình Thi đã để lại cho văn học Việt Nam mười vở kịch, bao gồm: *Con nai đen* (1961), *Hoa và Ngàn* (1974), *Giấc mơ* (1977), *Rừng trúc* (1978), *Nguyễn Trãi ở Đông Quan* (1979), *Tiếng sóng* (1980), *Người đàn bà hóa đá* (1980), *Cái bóng trên tường* (1982), *Trương Chi* (1983), *Hòn cuội* (1986). Kịch của Nguyễn Đình Thi có giá trị bền lâu, tạo ấn tượng cho khán giả không đơn thuần do hành động kịch táo bạo, cao trào kịch gay gắt, mà sự hấp dẫn được khởi sinh từ tính triết học và ý vị văn chương tinh tế.

Nói về cơ sở của tính triết lý trong kịch Nguyễn Đình Thi, có lẽ cần xuất phát từ quan niệm nghệ thuật và hành trình sáng tác của ông. Nhìn về trục thời gian, Nguyễn Đình Thi viết vở kịch đầu tiên - *Con nai đen* - vào năm 1961. Lúc này, nhà văn gần bốn mươi tuổi, nghĩa là đã có kinh nghiệm dày dặn trong nghiệp bút và trải đời. Dù dấn thân vào thể loại kịch muộn màng, nhưng so với văn xuôi, tiểu luận phê bình hay âm nhạc, thì kịch là lĩnh vực mà Nguyễn Đình Thi dụng công nhiều nhất, đồng thời cũng là lĩnh vực đa thanh nhất trong sự nghiệp sáng tác. Bởi, qua *Tuyển tập kịch* (1997) - công trình tổng hợp gia tài kịch của Nguyễn Đình Thi - ông từng chia sẻ: “Cuốn *Tuyển tập kịch* là nổi tâm huyết nhất của đời tôi, là những nỗi đau nhức nhối của đời tôi”. “Kịch cho phép tôi nói được những vấn đề làm tôi suy nghĩ

mấy chục năm”. Lời tâm sự này đã cho thấy những trăn trở, chiêm nghiệm của Nguyễn Đình Thi gửi gắm qua những tác phẩm kịch.

Thêm nữa, vốn từng là một nhà nghiên cứu triết học và đã từng có những công trình nghiên cứu triết học được đánh giá cao khi còn trẻ. Nên đường như, điều này đã làm cho sáng tác kịch của Nguyễn Đình Thi mang vẻ đẹp trí tuệ không hòa lẫn với các soạn giả trong sân khấu hiện đại Việt Nam. Xét một cách khách quan, kịch Nguyễn Đình Thi không đậm nét đặc trưng cho tác phẩm sân khấu của một nhà biên kịch, mà vẫn là tác phẩm văn học theo phương thức kịch của một nhà văn. Đó cũng là lí do mà đến nay, chỉ một vài vở kịch của ông được dàn dựng. Kịch vốn dĩ là một thể loại kén chọn. Vì đặc điểm nổi bật của kịch hướng đến miêu tả những xung đột giữa người với người, người với tự nhiên, những trạng thái đấu tranh gay gắt của các tầng lớp xã hội, hay có khi là đấu tranh trong thế giới nội tâm phức tạp của con người. Thông qua kịch, Nguyễn Đình Thi vừa thử sức năng lực sáng tạo, vừa tận dụng những ưu thế của thể loại này để thể hiện chiều sâu tư tưởng về đời sống, sự vật mà những thể loại khác chưa/ khó chạm thấu tận, nhất là ở góc cạnh mâu thuẫn, xung đột, phản kháng.

Tìm hiểu chiều sâu triết lý trong kịch của Nguyễn Đình Thi là đi vào tiếp cận những tác phẩm kịch ở góc độ giải mã quan niệm của nhà văn về cuộc sống, nhân sinh. Quan niệm này là yếu tố cốt lõi trong kịch của ông, là nhân tố tạo nên cá tính riêng. Kịch của Nguyễn Đình Thi là kịch của những giằng xé tâm trạng. Thế mạnh của tác giả là hướng vào thế giới nội tâm nhân vật, tra vấn bản thân với những màn độc thoại miên man, day dứt, lắng đọng. Lời thoại trong các vở kịch, vì thế rất sang trọng, đẹp đẽ và nhiều ngữ nghĩa. Qua mười vở kịch với những đề tài đa dạng, Nguyễn Đình Thi đã thể hiện những ngẫm nghiệm thấm thía với ba phương diện: triết lý về hiện thực lao động, chiến đấu; triết lý về cái đẹp và cái thật, cái chân và cái thiện; triết lý về những vấn đề lịch sử.

2. NỘI DUNG

2.1. Triết lý về hiện thực lao động và chiến đấu

Như nhiều nhà văn trưởng thành và hoạt động trong thời kì đất nước đương đầu với hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, kịch của Nguyễn Đình Thi bắt mạch vào những sự kiện dân tộc, gắn với lao động, chiến đấu của nhân dân, người lính cách mạng. Dù viết về những câu chuyện lịch sử, truyền thuyết, hay mượn tích truyện cổ, ông vẫn luôn liên hệ đến hiện thực để bày tỏ những suy tư về đời sống nhân sinh.

Vở kịch *Hoa và Ngàn* được nhà văn viết trong tâm thế một nghệ sĩ giác ngộ lý tưởng yêu nước và cách mạng. Thông qua cơ duyên gặp lại của hai người bạn thân Hoa và Ngàn, Nguyễn Đình Thi đã phản ánh cuộc sống hiện tại theo lối kịch hiện thực đơn thuần. Tác phẩm không chứa đựng các xung đột kịch căng thẳng, đó chỉ là những câu chuyện của các bác sĩ, những người lính, những con người bình dị đã nỗ lực làm việc, chiến đấu. Dù số phận có rơi vào cảnh khó khăn, bi đát, họ vẫn vươn lên bộc lộ những phẩm chất đẹp đẽ của người anh hùng. Qua đó, nhà văn khẳng định triết lý yêu nước của dân tộc. Đó là nguồn mạch bất diệt, luôn chảy trong tâm thức mỗi con người Việt Nam. Điều này cũng là lí do khiến nhiều lời thoại trong vở kịch mang khẩu khí tuyên truyền cách mạng: “Tình hình gì thì tình hình, nhân dân ta chỉ cứ: Không có gì quý hơn độc lập tự do! Từng ấy năm chúng nó còn thất điên bát đảo, huống hồ bây giờ mình mạnh hơn trước nhiều lắm. Phải rút thôi, thắng Mỹ phải rút thôi” (Nguyễn Đình Thi, 1993, tr.154). Từ bối cảnh bệnh viện và những con người liên quan quanh đó, Nguyễn Đình Thi đã tạo dựng một sân khấu thu nhỏ về cuộc sống trong lòng hậu phương miền Bắc trong một khoảng thời gian dài đất nước chia cắt: họ vừa sống cho miền Bắc, vừa sống cho miền Nam. Nguyễn Đình Thi khẳng định chân lý, khi có một lẽ phải lớn hơn, họ có thể làm được những điều tưởng như không làm nổi. Bằng cách này, tác giả đã gửi gắm thông điệp: người nghệ sĩ của cách mạng là “chiến đấu cho lý tưởng sống bằng ngòi bút”.

Hòa theo dòng chảy triết lý hi sinh vì tổ quốc là lý tưởng cao đẹp nhất, *Giấc mơ* là tác phẩm kịch thơ kể về câu chuyện người lính kiên cường, dũng cảm, dù bị thương nhưng vẫn cố gắng trân quý từng phút giây sống. Qua đoạn hội thoại của Thần Chết và anh thương binh, Nguyễn Đình Thi bày tỏ những quan điểm về sự sống và cái chết, ý nghĩa sự tồn tại và hư vô. Trong khi Thần Chết luôn đe dọa người lính, muốn đẩy anh trở về đất bụi với những lời hứa hẹn hào quang hay phật thánh, anh vẫn kiên định cùng lý tưởng cao đẹp mà bình dị. Lời nói sắc nhọn như một sự phản tư với những sắc danh cuộc đời: “Ta chẳng phải thánh thần/ Ta là một chiến sĩ bình thường/ Như nghìn vạn chiến sĩ của đất nước ta/ Ta làm gì có ánh hào quang/ Cũng chẳng muốn cái chết của ta làm phiền đến một người nào/ Ta chỉ mong/ Sống có ích và chết không đến nỗi uổng phí/ Hỡi cái chết, nếu hôm nay/ Ta không đủ sức chống chọi và cuối cùng người cướp được đời ta/ Lòng ta cũng chẳng chút nào ân hận đâu/ Nhưng ta vẫn muôn sống/ Sống cuộc đời bình thường của một con người” (Nguyễn Đình Thi, 1993, tr.169). Chính ý chí mạnh mẽ, tình yêu bền bỉ, tình đời đẹp đẽ đã cứu chuộc, đưa anh thoát khỏi lưới tử thần.

Kịch của Nguyễn Đình Thi là những mảnh ghép muôn màu của đời sống, điều này dễ hiểu vì sao trong vở *Tiếng sóng* lại chứa đựng nhiều lớp số phận, nhiều câu chuyện đan xen: chuyện người vợ thủy chung chăm chồng bị liệt, không màng tình cảm riêng tư; chuyện bà lão ăn mày nhắc nhở anh lính cần biết cội nguồn và tình

người giữa cơn bao biến lịch sử; chuyên gia đình Lan với truyền thống đánh giặc cứu nước; chuyện ông quan nằm mơ thấy về Âm Phủ và tiếc nhớ cảnh sắc sinh động trên cõi trần; chuyện bà giáo quỳen sinh, để lại những lọ thuốc Xtretomixin quý giá cho những bệnh nhân đang cần cứu; cô gái người Việt quốc tịch Pháp trở về Việt Nam mong tìm lại gốc gác; người ông trở về Canada chuộc lại sai lầm trong quá khứ và hoàn thành ước nguyện vun đắp cho cháu trai,... Những lớp người ẩn hiện, chuyển cảnh qua nhau tưởng không liên quan, nhưng lại gắn kết bằng tư tưởng triết lý thâm thúy của Nguyễn Đình Thi: Nhân - Nghĩa là cái gốc của con người. Mỗi mặt người trên thế gian sở dĩ kết dính bền chặt và làm nên những điều diệu kỳ là nhờ hai yếu tố này. Nhân, Nghĩa giúp con người sống có đạo lý, không quên nguồn cội, yêu thương cộng đồng.

Nếu theo quan niệm của Aristote trong *Nghệ thuật thi ca*, rằng nguyên lý bất định của kịch là Luật Tam duy nhất (thống nhất về địa điểm, thống nhất về thời gian và thống nhất về hành động), thì trong sự phát triển của kịch Nguyễn Đình Thi, thời gian và địa điểm đã có sự xê dịch, hành động cũng biến đổi theo từng tính cách, số phận các nhân vật. Tính thống nhất nằm ở sự thống nhất nội tại, các hành động kịch tự phát triển mà không có sự xung đột hay sự can thiệp của bất cứ lực lượng nào, tức được nảy nở từ ý niệm chiều sâu tư tưởng của tác giả. Với ba thể kịch cơ bản: bi kịch, hài kịch, chính kịch; thật khó để xếp kịch Nguyễn Đình Thi vào loại nào. Nó gần như là kịch tư tưởng, kịch triết lý. Chọn hình thái kịch như vậy, Nguyễn Đình Thi hướng đến cách giải quyết những bất ổn trong cuộc sống không phải nhờ những xung đột mang tính bạo liệt, hay sự đánh đổi lớn lao về vật chất/ sinh mạng, mà nằm ở sự tự nhận thức của mỗi con người.

Qua những câu chuyện về cuộc sống lao động, chiến đấu của nhân dân, Nguyễn Đình Thi đã đề cập đến những vấn đề đời thường nhưng vô cùng ý nghĩa trong cõi nhân sinh. Bắt vào cái gốc bền sâu của sự sống, tác giả truyền thông điệp đầy nhân văn về lương tri con người. Sự đấu tranh giữa dục vọng, cám dỗ, bản năng được diễn giải không phải trên sàn đấu câu chữ với những giằng xé quyết liệt, nó thể hiện ngay trong thế giới nội tâm, để thấy rằng, yêu thương là vĩnh cửu của phận người, như Bà giáo (*Tiếng sóng*) đã trần trụi: “Một tình thương yêu không bao giờ mất cả. Nó bay đến một chỗ nào đấy, nó gieo vào một tình cảm, một ý nghĩ nào đấy của một người nào, có khi nó truyền đi tận đâu, nảy nở thành những gì không ngờ được” (Nguyễn Đình Thi, 1993, tr.493).

2.2. Triết lý về cái đẹp và cái thật, cái chân và cái thiện

Nguyễn Đình Thi là một nhà văn, nhà thơ mà bước đầu tiên vào nghiệp đời lại đến với triết học. Sau này, dù không viết triết nữa, nhưng niềm đam mê triết học

và cái vốn triết vẫn ngấm vào vô thức sáng tạo, làm nên chất triết cho tác phẩm của mình. Dù ở thể loại nào, Nguyễn Đình Thi đều hướng tác phẩm đến sự suy tư về cái đẹp, cái thật, cái chân, cái thiện. Với lối viết có tính biểu tượng hai mặt (không ít lần gây hiểu nhầm), Nguyễn Đình Thi vẫn kiên định trong cái nhìn tư biện về sự vật. Ông quan sát cuộc đời nhiều chiều và tương phản, mâu thuẫn và thống nhất, sinh sôi và tàn lụi, sự thật và dối trá, cái thiện và cái ác...

Với phong cách viết kịch mới lạ, *Con nai đen* là sự kết hợp giữa tích truyện dân gian quyện vào triết lý hiện đại. Tinh thần cốt lõi của *Con nai đen* là cuộc hành trình chông gai, cản trở, đánh đổi bằng máu, nước mắt, sinh mạng để đến với Cái thật, Cái đẹp. Mượn chuyện cổ tích nước Italia, đặt trong bối cảnh Việt Nam, tác phẩm kể về một nhà vua đã chiến đấu vì dân vì nước. Sau khi nắm được quyền lực và ổn định vương quốc, vua quay về rừng quê tìm lại người con gái từng thương năm xưa. Dù trong cung không thiếu những mỹ nữ bao quanh, tình nguyện nâng khăn sửa túi suốt đời, đặc biệt là Quận chúa luôn xem vua như đích đến của địa vị và giàu sang. Nhưng vua muốn cuộc hôn nhân của mình phải xuất phát từ tình yêu đích thực, không vụ lợi. Trải qua thử thách và lòng kiên định, vua đã hội ngộ cùng Quế Nga. Hai người đã có cuộc sống êm đềm tại kinh thành. Phần cao trào của vở kịch nằm ở nửa đoạn sau, nhân vật Quận công mang lòng tham tàn bạo, tâm dạ đen tối, đã dùng phép thuật để hoán đổi thể xác vua, biến vua thành con nai đen. Quá trình nhà vua tìm lại bản ngã, nhân dạng của mình và lật tẩy sự giả dối, lừa bịp đều nương vào sự chỉ dẫn của những người dân. Nguyễn Đình Thi đã nhấn mạnh vai trò của nhân dân gồm những người Ông lão hát rong, Con nai đen, dân chúng kinh thành như “đá thử vàng” để phân biệt thật/ giả, xấu/ tốt. Chính tên Quận công với câu hát quen thuộc “Mèo mẹ ăn thịt mèo con/ Ông già thềm bé gái non/ Con chó đi hai chân chống ngược/ Này cô nàng, ta bắt cô nàng” đã bị vạch trần. Lời nói của Quận công phản chiếu bản chất bất di bất dịch của con người. Dù có thay đổi hình dạng cao sang như thế nào, thì tâm hồn, tính cách cũng không thể thay đổi, nhất là qua cử chỉ, hành động, nói năng. Cái ác đội lốt cái thiện rồi cũng bị lộ diện. Đó cũng là cách để Hoàng hậu Quế Nga nhận chân sự thật. Việc tìm ra sự thật không hề đơn giản. Cái giả rõ ràng bao vây mọi chốn. Nên trận tuyến giữa cái thật và cái giả từ hồi một (kén vợ) đến hồi hai (diệt trừ Quận công) càng lúc càng hấp dẫn, kịch tính. Qua vở *Con nai đen*, Nguyễn Đình Thi mang đến khát vọng cao cả hướng đến cái thiện, chống lại dục vọng đen tối và cái ác, khẳng định triết lý Chân Thiện Mỹ bất diệt của lẽ sống, như lời tuyên bố của vua: “Cái thật đã thắng cái giả. Chính nghĩa đã thắng gian tà” (Nguyễn Đình Thi, 1993, tr.69).

Mảng kịch phỏng lại từ cổ tích và truyền thuyết dân gian Việt Nam như *Cái bóng trên tường*, *Người đàn bà hóa đá*, *Trương Chi* và *Hòn cuội* là những kịch ngắn, nhưng tư tưởng đều thống nhất trong quan niệm về cái đẹp, cái chân. Đất nước Việt

Nam với lịch sử dựng nước và giữ nước hơn bốn ngàn năm, hình ảnh người vợ chờ chồng đi lính trở về được xem như biểu tượng vĩnh hằng của lòng chung thủy, phẩm giá cao đẹp của người phụ nữ. *Người đàn bà hóa đá, Cái bóng trên tường* - hai vở kịch mượn từ *Sự tích đá Vọng phu* và truyện truyền kì *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ), Nguyễn Đình Thi đã hiện đại hóa và kịch hóa để gửi gắm những trăn trở của mình. Tác giả nhận ra những bi kịch của người đàn bà - hóa thành đá chờ trong vô vọng hay trầm mình dưới sông để chứng minh sự trong sạch - không chỉ mang chủ đề định mệnh, mà còn mang ý nghĩa tâm linh và tinh thần nhân văn cao đẹp. Nghĩa là sự chờ đợi thủy chung của họ đánh đổi bằng tính mạng. Nguyễn Đình Thi đã đẩy câu chuyện có chiều sâu triết lý bằng cách để các nhân vật của mình tự nhận thức: “Xương thịt tôi hóa đá, đầu óc tôi hóa đá, tim tôi hóa đá, không đập nữa. Tôi vẫn đợi. Hình như tôi đứng đây để đợi một cái gì ở xa lắm. Hình như tôi đứng đây để đợi một cái gì ở chân trời kia, ở xa hơn chân trời kia. Tôi vẫn đứng đây. Tôi vẫn đợi” (Nguyễn Đình Thi, 1993, tr.537). Những lời khắc khoải này là tiếng lòng cất lên từ nỗi bi thương không tìm được căn nguyên. Có ai ngờ, vết sẹo trên đầu người vợ đã khiến anh chồng vỡ lẽ, nhận ra em gái mình, rồi bỏ nhà ra đi trong âm thầm, chỉ kịp nhắn nhờ bác hàng xóm nói rằng mình phải đi lính gấp. Để người vợ ngày đêm trông ngóng, nhớ lời hẹn xưa kia mà lên núi đợi chờ. Họ vô tình trở thành nạn nhân của bi kịch ngẫu nhiên như một định mệnh sắp đặt của tạo hóa. Và đó không phải là định mệnh cá nhân, đó là nỗi đợi chờ vĩnh cửu hướng về cõi xa xăm vô thường của tâm linh con người. “Em ơi, chẳng phải riêng một mình anh mà từ nay, hễ có ai thấp đèn buổi tối, trông lên cái bóng trên tường thì sẽ nhìn thấy em” (Nguyễn Đình Thi, 1993, tr.556). Lời trăn trối này cũng là lời hối hận muộn màng của người chồng trong kịch *Cái bóng trên tường*. Trò đùa làm con trẻ vui hóa tưởng chuyện thật, gieo vạ cho người lớn. Không truy tìm ngọn nguồn duyên cớ chiếc bóng trên tường, người chồng đã vội nghi ngờ và kết tội vợ ngoại tình. Để rồi, trong bối cảnh xã hội thời đó, người vợ chỉ còn cách quyên sinh nhằm bảo vệ, chứng minh nhân phẩm. Cái chết không phải nơi chiến trường đổ máu, không phải xung đột quyết liệt giữa hai thế lực đối kháng, nó đến từ sự thiếu niềm tin yêu, thấu hiểu giữa con người với nhau. Câu chuyện thương tâm được Nguyễn Đình Thi tái dựng mang ý nghĩa sâu xa: giữa cuộc đời thật giả lẫn lộn, con người cần tỉnh táo, sáng suốt nhìn nhận vấn đề, tránh quan điểm một chiều, hời hợt, dẫn đến những ngộ nhận, nghi ngờ và kết cục sai lầm không thể khắc phục.

Những vở kịch của Nguyễn Đình Thi thường gợi nhiều liên tưởng đến các tình huống bất hạnh xảy ra hằng ngày, giữa đời sống thực tại. Tình huống trong vở *Trương Chi* đặt ra vấn đề tương quan giữa nghệ thuật và đời sống, hình thức và tâm hồn. Trương Chi mang cái nghiệp “người thì thậm xấu, hát thì thậm hay”. Mị Nương say mê tiếng hát của chàng, bất chấp lầu son gác kiếm đã tìm đến Trương Chi ngỏ lời yêu tha thiết. Thoạt đầu, Trương Chi biết thân biết phận, không dám nhận bừa.

Nhưng với sự quyết liệt, dữ dội của nàng, chàng đã thật thà mà soi tỏ khuôn mặt. Bị kịch bắt đầu từ đó. Khi “nghệ thuật không phải là ánh trăng lừa dối”, câu chuyện trở thành khối mâu thuẫn. Nỗi đau thất tình, tổn thương, nỗi đau thân phận dẫn đến con đường tuyệt cùng. Cái cao cả và cái thấp hèn hóa ra chỉ chênh vênh trong tích tắc. Về sau, hồn Trương Chi hóa thân vào chén ngọc, tạc từ gốc bạch đàn, giọt nước mắt của Mị Nương nhỏ xuống thấy bóng thuyền Trương Chi hiện lên, vẳng lại tiếng hát: “Mặt nước chân mây/ Sông dài sóng cả/ Em ơi anh đi tìm/ Tìm em như thể tìm chim”. Mị Nương nghe tiếng hát, nhận ra người xưa, khẩn thiết nói những lời van lơn, tha lỗi. Lòng thương cảm trào dâng, phút chốc chén hóa thành nước tan ngay trên tay nàng. “Một lời em nói với anh, một giọt nước mắt em nhỏ xuống, là như vậy mãi mãi rồi” (Nguyễn Đình Thi, 1993, tr.578). Giọng kể thấm vị xót xa và giàu ý nghĩa. Trái tim hóa đá đọng giọt nước mắt cảm thông thì tan biến, mối tình ngang trái đã có kết quả xứng đáng. Câu chuyện kết thúc, mở ra một đời sống thẩm mỹ đầy nhân bản.

Đến vở kịch cuối cùng - *Hòn Cuội* - Nguyễn Đình Thi không quá dụng công trong tình tiết hay câu từ gân guốc để diễn giải những ý niệm của mình về nhân sinh. Được viết dưới dạng hài kịch, tác giả truyền gửi thông điệp: dù cuộc sống có nhiều điều dối trá, nhưng không có nghĩa sự thật mất đi, sự thật vốn tồn tại qua những bình dị đến quen thuộc, nhưng con người lại khó chấp nhận. Người hành hương đã giác ngộ vì được Cuội chỉ cho thấy cái mặt thật của mình trong bát nước. Còn Phú ông phải thốt lên: “Đây là cái mặt tôi đây, bên cạnh cái mặt con cọp kia”. Cuội ở đây đã khác với quan niệm dân gian - “Nói dối như Cuội” - vì trong kịch của Nguyễn Đình Thi, Cuội trở thành một biểu tượng của tấm gương phản chiếu sự thật.

Trên phương diện biên kịch, không quá khi cho rằng những đóng góp về kịch của Nguyễn Đình Thi mang tính chất mở đường cho một lối viết đầy đổi mới trong việc phản ánh đời sống, mở rộng biên độ phóng chiếu hiện thực bằng những lớp biểu tượng đa nghĩa. Sự phối kết nhịp nhàng, nhuần nhuyễn giữa cái thực và cái ảo, những điều trần trụi với những thứ ước lệ, siêu hình đã nâng cao cảm xúc trữ tình cũng như tạo chiều sâu cho câu chuyện. Điều này trở thành một mẫu điển hình của kịch hiện đại về sau, khi giữa đời sống phức tạp, bộn bề, công chúng cần những cách nhìn và giải thích đời sống theo hướng mà Nguyễn Đình Thi đã đề xuất triển khai.

2.3. Triết lý về những vấn đề lịch sử

Lịch sử luôn là một chủ đề hấp dẫn, bởi việc xét lại quá khứ với vô số phán đoán, suy ngẫm, tái định giá vừa là thách thức vừa như cách con người hiện đại giải thích, truy tìm nguyên nhân cho những gì xảy ra. Nguyễn Đình Thi cũng không ngần ngại thử thách mình trong hành trình ngược thời gian để mở khóa những bí ẩn trong thế giới nội tâm của các nhân vật lịch sử. Hai vở kịch về đề tài lịch sử *Nguyễn Trãi*

ở *Đông Quan* và *Rừng trúc* đã mang đến góc nhìn mới về quá khứ, giúp người đọc tiếp cận được hiện thực đa chiều, đồng thời dẫn dụ vào cõi tâm tưởng bí ẩn, khó đoán của con người.

Lựa chọn những sự kiện lịch sử nhạy cảm, Nguyễn Đình Thi không cố tìm cách giải quyết triệt để thông qua đấu tranh giữa các lực lượng xã hội (ta/ địch, chính nghĩa/ phi nghĩa), mà thường giải mã thế giới nội tâm, các xung đột về tư tưởng, quan điểm chính trị của một lớp người trước hoàn cảnh lịch sử. Từ đó mà làm nên tính thời đại cho tác phẩm. Chẳng hạn, trước giai đoạn đầy biến động thời quân Minh xâm lược, *Nguyễn Trãi ở Đông Quan* là một vở kịch lịch sử có giá trị. Vì tác phẩm đã phản ánh con đường xã hội và con đường tư tưởng của người trí thức vào thời điểm “ẩn mình” đầy kịch tính. Đó là lúc Nguyễn Trãi trở về từ ải Nam Quan sau khi giã biệt thân sinh Nguyễn Phi Khanh với lời nguyện ước: “hãy quay về Nam, tìm đường phục hận”. Trong quãng thời gian “im lặng” trước khi đến với Lê Lợi và khởi nghĩa Lam Sơn, nhà văn Nguyễn Đình Thi đã cho thấy một Nguyễn Trãi mang nỗi ưu tư, trăn trở trước vận nước lâm nguy, máu chảy thành sông, dân đen con đỏ chịu oan khuất thấu trời, sản vật, tự nhiên của nước Nam bị vơ vét đến cạn kiệt. “Tôi nghĩ, có lẽ rồi phải từ đóm nhỏ mà mở ra dần như vết dầu loang. Không nên vội chuyện đánh thành, mà có lẽ trước tiên phải biết đánh vào lòng người, lòng dân ta và cả lòng quân địch nữa! Chịu nhịn đói để dân có cái ăn, chịu xả thân để dân còn được sống, nói cho cùng, ở đâu rõ nhân nghĩa thì lòng người hướng về đấy. Sao cho dân ta mọi nơi ngóng trông, mà bên địch thì nó phân vân, chần chừ, khó quyết. Cách dùng binh thì đừng ham dàn quân đối mặt với nó. Phải tĩa nó phía trước, khoét nó phía sau. Lấy yếu chống mạnh, đánh bất ngờ. Lấy ít đánh nhiều, dùng mai phục. Đừng chê nhỏ, đừng vội tham to, giấu tung tích cho kín, hiện đằng đông mà đánh từ đằng tây, góp gió thành bão, vừa đánh vừa gây dựng, từ nhiều suối nhỏ mà dần hợp thành sông lớn” (Nguyễn Đình Thi, 1993, tr.391). Nguyễn Đình Thi đi sâu vào tâm tưởng, dễ dàng dẫn người đọc tiếp cận chân lý “Nhân - Nghĩa” một cách thấu đáo. Nhân nghĩa ở đây được Nguyễn Trãi cụ thể hóa nhằm phù hợp với hoàn cảnh. Khi những bậc trí thức lớn như Vũ Mong Nguyên, Lê Cảnh Tuân vẫn khư khư giữ trọn chữ “trung”, thì Nguyễn Trãi đã quyết bỏ nhà Trần, bỏ nhà Hồ để tìm đường theo Lê Lợi, lo việc đánh giặc cứu nước. Tâm sự đau đầu của Nguyễn Trãi, đồng thời cũng là ngẫm nghiệm về sách lược chính trị, về lẽ sống con người, từ đó mà cắt nghĩa nguyên do dẫn đến sức sống trường tồn mãnh liệt của Đại Việt. Những kế sách Nguyễn Trãi bàn đến, kì thực hoàn toàn có thể áp dụng trong cuộc chiến tranh xâm lược của Việt Nam thế kỉ XX. Và sự thật là chúng ta đã vận dụng chân lý “chiến tranh nhân dân” của cha ông; lấy dân làm gốc, sử dụng lối đánh du kích, biết mình biết ta để có thể giành được chiến thắng, thống nhất Bắc Nam một nhà.

Sang *Rừng trúc*, Nguyễn Đình Thi một lần nữa chọn giai đoạn lịch sử phức tạp của dân tộc, khi ngôi báu của nhà Lý chuyển sang tay nhà Trần và vó ngựa quân Nguyên đang hoành hành náo động biên cương. Thời điểm này, triều đình là nơi tập trung quyền lực với rất nhiều chuyện phức tạp, làm đảo lộn kỷ cương, đạo đức, lễ giáo. Quyền lợi của một vương triều, một dòng họ phải đặt dưới lợi ích quốc gia. Nhưng những việc làm rối ren triều chính của Trần Thủ Độ, Thiên Cưng đã vô tình chà đạp lên đạo lý con người. Mắc kẹt giữa xung đột việc nước và việc người, nhân vật Chiêu Thánh (Lý Chiêu Hoàng) và Trần Cảnh được Nguyễn Đình Thi xây dựng công phu với những lớp nội tâm chất chứa. Chiêu Thánh chấp nhận nhường ngôi một cách cao cả và không khỏi bi phẫn, khi thời điểm đó, bà còn quá nhỏ để nhận thức về địa vị nữ vương; bản thân bà mất cha, bơ vơ, nên chưa hiểu thâm sâu những toan tính của họ Trần. Sau này, khi thấu hiểu sự tình, Chiêu Thánh vừa trĩu nặng nỗi đau của một người mồ côi, mất đi chỗ dựa, vừa bị dày vò bởi gánh nặng lịch sử khi biết chính mình đã tự đặt dấu chấm hết cho triều đại nhà Lý. “Ta là vua dòng triều Lý đã trị vì trên hai trăm năm nơi giang sơn này, đã xây thành Thăng Long, đã mấy phen đánh Tống, dẹp Chiêm, đã dạy dân nghề dệt, nghề in, cùng trăm nghề khéo, đã mở mang văn hiến rực rỡ, làm cho đất nước Việt Nam đẹp quý như viên ngọc một cõi đất trời. Khi ta lên bảy tuổi mà nhường ngôi cho Trần Cảnh chẳng qua lúc ấy chỉ là một đứa trẻ, mặc áo đội mũ, trong tay các người. Đến nay ta đã đủ trí xét đoán mọi việc, ta vẫn là nữ hoàng của đất nước này, là nhà vua của các người. (...) Hãy nghe: từ hôm nay Lý Chiêu Hoàng này rời bỏ ngôi báu. Người đàn bà được Đức vua cha ta thương yêu kia, ta cho bà trở về họ Trần, từ nay bà không còn phải là bầy tôi nhà Lý ta nữa. Ta cởi bỏ cho các người ra khỏi thân phận một bọn tiếm quyền, mà được chính danh giữ việc nước, thế thì các người ra khỏi cõi tối tăm, quỷ quyệt, mưu mô, từ nay giữa thanh thiên bạch nhật hãy hết lòng phù ta người kẻ nghiệp ta, giữ gìn lấy giang sơn nhà Lý ta giao lại... Còn ta, từ nay ta sẽ làm một người dân thường, xa nơi triều chính, còn được ngày tháng nào chỉ để mà lo hương khói thờ phụng Đức vua cha ta, cho tròn đạo làm con, gọi là mong ăn năn tội lỗi của ta được phần nào” (Nguyễn Đình Thi, 1993, tr.265-266). Góc tâm tư này đã cho thấy khoảng mênh mông hoang hoải, nhức nhối của Chiêu Thánh. Bà là một nàng công chúa nhưng mất cha, một nữ hoàng nhưng mất ngôi báu, một hoàng hậu nhưng mất chồng. Bi kịch này đến từ đâu? Nguyễn Đình Thi đã tự đặt ra một câu hỏi với lịch sử rồi tự lần giải bằng cách nhập thân vào từng nhân vật. Rõ ràng, bi kịch này là một bi kịch lịch sử, bi kịch của một dòng họ huy hoàng, bi kịch của vương triều từng thịnh phát trước những chuyển biến khôn lường của thời đại, cũng là bi kịch về thân phận con người trước sự điều khiển, thôn tóm quyền lực tham vọng. Đứng trước Trần Thủ Độ, Chiêu Thánh có thể hiên ngang mà nói rằng: “Việc nước là lớn nhất, nhưng việc người với người cũng không phải là nhỏ hơn” (Nguyễn Đình Thi, 1993, tr.308). Ấy là bà đã hiểu được đạo lý cao cả trong buổi triều chính rối ren. Đó cũng là nỗi băn khoăn, trăn trở của Nguyễn Đình Thi khi nghĩ về sự dung hòa mối quan hệ giữa “việc người”

và “việc nước”. Trong tư cách “công dân”, ông tán thành “việc nước là việc lớn”; trong tư cách “nghệ sĩ”, ông thấy “việc người không phải nhỏ hơn”. Sự sáng suốt trong suy nghĩ, sự bao dung của tấm lòng, sự cao đẹp của nhân cách Lý Chiêu Hoàng đã khiến Trần Cảnh phải thốt lên: “Chiêu Thánh nàng hỡi, trời ơi, vậy mà bấy lâu ta có mắt như mù. Ngờ đâu nàng đến nổi như vậy” (Nguyễn Đình Thi, 1993, tr.271).

Nhân vật Trần Cảnh mang điểm tương đồng với Chiêu Thánh ở sự không màng hư vinh, quyền lực. Tận mắt chứng kiến những biến động thời cuộc, Trần Cảnh tỏ nỗi cảm thán: “Kiếp làm người nghĩ đáng sợ”. Thực ra, ông cũng chỉ là một quân cờ trong ván bài quyền lực. Ông làm vua song không thể định đoạt chuyện hôn nhân của mình, làm chồng mà không bảo vệ được người vợ gấn bó mười hai năm. Việc đưa Thuận Thiên lên thay ngôi hoàng hậu vừa làm cho Trần Cảnh chịu tiếng tranh giành vợ của anh trai Trần Liễu, vừa làm mất đi một người bạn đời tâm đầu ý hợp Lý Chiêu Hoàng, khiến ông phải đối diện với những tình huống khó xử, oan nghiệt. Trong tình thế đó, Nguyễn Đình Thi đã giải quyết nỗi tơ lòng cho từng nhân vật bằng tinh thần triết lý Phật giáo. Chiêu Thánh rút lui khỏi hậu cung, xoa dịu nỗi đau chất chứa bằng cách nhâm niệm bài kệ của Tổ sư Vạn Hạnh: “Thân như bóng chớp có rồi không/ Cây cối xuân tươi thu nào nùng/ Mặc cuộc thịnh suy đừng sợ hãi/ Kìa kìa ngon cỏ giọt sương đông”. Những lời truyền dạy của thiền sư giúp Chiêu Thánh giác ngộ lẽ đời, hiểu cuộc phù sinh trên trần thế mong manh, ngắn ngủi, điềm tĩnh đón nhận sự “thịnh suy” với một tâm hồn tĩnh lặng, thoát thai. Mượn cửa Phật để lánh đời cũng là cách Trần Cảnh bày tỏ nỗi chán ghét nhân tình thế thái và triều chính những nhiễu. “Ta muốn tìm đến cõi trong lặng, để biết rõ cái lẽ còn, mất, có, không, vượt khỏi những sự nổi chìm của cõi đời này” (Nguyễn Đình Thi, 1993, tr.296). Cùng với người bạn thiếu thời Khuê Kinh, Trần Cảnh rũ bỏ ngôi vua, trở thành lữ khách phiêu du lên núi Yên Tử tu hành. Hành động của Trần Cảnh cho thấy thái độ bất mãn với những kẻ giết dây tiếm quyền, hơn nữa cũng là cách ông bảo toàn nhân phẩm, xóa bỏ ấn tượng trước đó về việc tranh quyền đoạt ngôi giữa hai dòng họ. Tuy nhiên, những điều mắt thấy tai nghe giữa rừng trúc hoang vu, từ ông cụ lang thang, bà áo chàm, người chủ quán nước ven đường đã giúp Trần Cảnh hiểu ra: “Phật tại tâm”. Tư tưởng Thiền của ông cụ thể hiện qua câu nói: “Ta có ở chùa đâu mà gọi tên”, “Tụng kinh gõ mõ ăn chay cũng giống như cưỡi ngựa đi đường xa, đến nơi rồi thì cần ngựa làm gì nữa”. Những lời đưa chuyện tưởng bông đùa, nhưng ông cụ đã đưa ra triết lý sâu sắc về con người và lẽ đời. Với những lời chia sẻ trên, ông cụ chính là đại diện cho sự minh triết của nhân dân. “Thật là một ông Phật sống trong dân”. Hóa ra, cái gốc của vấn đề giác ngộ là ở lòng người, chứ không phải là một điều gì bí ẩn xa xôi để phải tìm kiếm nơi thâm sơn cùng cốc. Trần Cảnh đã lắng nghe

tâm tư, nguyện vọng của nhân dân với thái độ cầu thị, chân thành: “Thật vậy đấy. Còn phải đi tìm Phật ở rừng trúc nào! Muôn loài chúng sinh ở đâu mà ra? Mà mù à, sao mà không thấy ngay trước mắt đấy!” (Nguyễn Đình Thi, 1993, tr.321). Bằng cách tạo dựng tình huống gặp gỡ này, Nguyễn Đình Thi đã mang đến một sự giải thích khác cho việc Trần Cảnh quyết định quay lại kinh thành tiếp tục vai trò lịch sử với tinh thần trách nhiệm và thái độ ôn hòa. Nó xuất phát từ sự thấu hiểu việc đạo lẩn việc đời, sự cảm kích trước lòng dân hơn là bởi diệu kế của thái sư Trần Thủ Độ. Từ đây, người giữ ngôi báu là vì sinh mệnh của trăm họ, vì trách nhiệm với tiền nhân không thể chối từ. Ý nghĩa của cuộc chuyển giao quyền lực Lý - Trần do đó mà trở nên trọn vẹn và hài hòa hơn.

Qua *Rừng trúc*, Nguyễn Đình Thi đã từ vận nước mà nghĩ về lịch sử dân tộc ngàn năm, từ sự trải nghiệm những biến cố lớn lao của thời đại mà suy nghĩ về số phận con người trước thử thách cuộc đời. Kịch của Nguyễn Đình Thi đã chạm đến chiều sâu suy tưởng của trí tuệ, của minh triết dân tộc, của tinh thần thời đại. Những tác phẩm như *Nguyễn Trãi ở Đông Quan*, *Rừng trúc* đã đạt tới độ trầm lắng về câu chữ mà thấm đẫm ý vị triết lý, giản dị qua hành động mà dạt dào cảm xúc, gợi nhiều liên tưởng.

3. KẾT LUẬN

Nhìn lại mười vở kịch của Nguyễn Đình Thi, những chiều sâu triết lý được xem như điểm sáng để giải quyết những mâu thuẫn đối kháng có tính chất phổ quát: thật - giả, xấu - tốt, chân - thiện, hình thức - tâm hồn, ta - địch. Bằng cách đi vào thế giới nội tâm, Nguyễn Đình Thi đưa ra những triết lý đầy ý nghĩa về đời sống nhân sinh, lịch sử, xã hội. Vượt lên cách nghĩ, cách nhìn so với nhiều nhà viết kịch khác, Nguyễn Đình Thi thoát khỏi lối tả thực, diễn xướng, mô phỏng lại, để đi vào trực diện vấn đề đang diễn ra bằng sự nhạy cảm, tinh tế của người nghệ sĩ. Khi viết về cuộc chiến đấu, lao động của nhân dân và người lính những năm chiến tranh như trong các vở *Hoa và Ngàn*, *Giấc mơ*, *Tiếng sóng*, Nguyễn Đình Thi cân bằng sự khốc liệt của hiện thực với thủ pháp huyền ảo, tạo ra cái nhìn đa diện, có phần tâm linh. Những vở kịch mượn tích truyện cũ như *Con nai đen*, *Người đàn bà hóa đá*, *Cái bóng trên tường*,... lại cho thấy sự dày công tạo dựng và xác lập các biểu tượng mang đậm chất trữ tình, ngụ ngôn. Ngược về quá khứ với đề tài lịch sử, Nguyễn Đình Thi thể hiện những vọng âm từ những bài học xa xưa, thấm nghiệm đến hôm nay, kết nối với hành xử và thái độ của con người hiện thời; từ hiện tại ngoái nhìn quá khứ, từ hôm nay dự cảm tới ngày mai. Ở khía cạnh nào đó, có thể xem kịch của Nguyễn Đình Thi là kịch triết lý. Nó thể hiện, gửi gắm qua ngôn ngữ đối thoại và độc thoại, hệ thống nhân vật, cốt truyện, không - thời gian nghệ thuật cho đến các

biểu tượng. Qua việc nghiên cứu tính triết lý trong kịch của Nguyễn Đình Thi, bài viết khẳng định những đóng góp của tác giả cho thể loại kịch Việt Nam. Bên cạnh đó, còn nhấn mạnh những đặc trưng trên đây là những yếu tố thuộc về phong cách kịch của Nguyễn Đình Thi, cũng là phong cách nghệ thuật của ông nói chung. Điều này làm nên tính tiên phong, đổi mới và sáng tạo của Nguyễn Đình Thi trong dòng chảy văn học Việt Nam thế kỉ XX.

NTT

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aristotle (2007). *Nghệ thuật Thy ca*. Hà Nội: Nxb Lao động.
2. Nguyễn Đình Thi (1993). *Tuyển tập Nguyễn Đình Thi: Kịch*. Hà Nội: Nxb Văn học.